

## ĐỔI MỚI CÔNG NGHỆ CHẾ BIẾN NÔNG LÂM SẢN Ở DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP

**TS. Trần Anh Tuấn<sup>1</sup>**

Viện Nghiên cứu và Phát triển Vùng, Bộ KH&CN

---

### **Tóm tắt:**

*Chính sách thúc đẩy doanh nghiệp đổi mới công nghệ sản xuất giữ vai trò quan trọng trong việc tạo ra các sản phẩm có tính cạnh tranh cao, từ đó góp phần khai thác có hiệu quả các nguồn lực nội tại, tăng cường năng lực nội sinh về công nghệ, tạo ra thế chủ động cho nền kinh tế, đồng thời là tiền đề để trở thành một bộ phận trong dây chuyền sản xuất toàn cầu. Bài viết này nghiên cứu hiện trạng đổi mới công nghệ trong lĩnh vực chế biến nông lâm sản trong vùng Đồng bằng sông Hồng, đồng thời đánh giá chính sách thúc đẩy doanh nghiệp đổi mới công nghệ sản xuất sản phẩm nông lâm sản. Trên cơ sở đó, đề xuất hoàn thiện các chính sách thúc đẩy đổi mới công nghệ trong các doanh nghiệp nói chung và doanh nghiệp nhỏ vừa và trong lĩnh vực chế biến nông lâm sản nói riêng.*

**Từ khóa:** Đổi mới công nghệ; Chế biến nông lâm sản; Doanh nghiệp nhỏ và vừa.

**Mã số:** 15071201

### **1. Mở đầu**

Hiện nay, đổi mới công nghệ đang trở thành yếu tố quan trọng tác động trực tiếp tới năng suất, chất lượng, sức cạnh tranh và hiệu quả kinh doanh của các doanh nghiệp, đặc biệt trong bối cảnh kinh tế hội nhập quốc tế. Vùng Đồng bằng sông Hồng (ĐBSH) có trên 95% doanh nghiệp chế biến nông lâm sản là các doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV), tuy vậy, các doanh nghiệp này đã đóng góp quan trọng vào phát triển kinh tế - xã hội và phát triển ngành nghề truyền thống, khai thác nguồn lực trong nhân dân rất lớn.

Ngoài sự phát triển và đóng góp to lớn của các DNNVV trong chế biến nông lâm sản vùng ĐBSH, thì vẫn còn một số tồn tại như: Sử dụng công nghệ lạc hậu nên hiệu quả sản xuất thấp; trình độ công nghệ của các doanh nghiệp ở mức dưới trung bình. Thúc đẩy đổi mới công nghệ trong các DNNVV là một trong những nhiệm vụ quan trọng đang được quan tâm trong giai đoạn hiện nay. Nhiều cơ chế, chính sách được ban hành nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp đổi mới công nghệ, tuy nhiên, trên thực tế có tác động

---

<sup>1</sup> Liên hệ tác giả: trananhtuan150178@gmail.com

như thế nào đến đổi mới công nghệ trong doanh nghiệp vẫn còn phải nghiên cứu. Do đó, việc đánh giá thực trạng, đề xuất chính sách đổi mới công nghệ của các DNNVV trong lĩnh vực chế biến nông lâm sản là thiết thực và có ý nghĩa để đáp ứng cho quá trình nghiên cứu, hoạch định chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước trong thời gian tới.

### **1.1. Mục tiêu nghiên cứu**

- Đánh giá thực trạng đổi mới công nghệ chế biến nông lâm sản ở một số DNNVV trong vùng Đồng bằng sông Hồng;
- Phân tích, đánh giá các nhân tố tác động đến quá trình đổi mới công nghệ chế biến nông lâm sản của DNNVV trong vùng ĐBSH;
- Đề xuất những khuyến nghị về chính sách nhằm khuyến khích DNNVV trong vùng ĐBSH đổi mới công nghệ chế biến nông lâm sản, nâng cao năng lực cạnh tranh.

### **1.2. Phương pháp nghiên cứu**

Phương pháp nghiên cứu chủ yếu là sự kết hợp giữa "Nghiên cứu tài liệu" và "Khảo sát thực địa". Hai phương pháp này không được thực hiện riêng rẽ mà được kết hợp thực hiện chặt chẽ với nhau trong suốt quá trình thực hiện.

Nghiên cứu tài liệu, bao gồm:

- Thu thập và nghiên cứu các thông tin tài liệu liên quan đến vấn đề đổi mới công nghệ chế biến nông lâm sản trong các doanh nghiệp Việt Nam nói chung và vùng Đồng bằng sông Hồng nói riêng, bao gồm báo cáo của các khảo sát trước đó cũng như các dự án phát triển thị trường khoa học và công nghệ;
- Thu thập và nghiên cứu thông tin tài liệu liên quan đến sự phát triển của ngành chế biến sản phẩm từ trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản và lâm nghiệp;
- Thu thập và nghiên cứu chính sách của nhà nước về KH&CN nói chung, các văn bản pháp luật liên quan đến vấn đề đổi mới công nghệ của các doanh nghiệp.

Khảo sát thực địa được tiến hành thông qua phỏng vấn trực tiếp các doanh nghiệp được lựa chọn theo các tiêu chí về đối tượng và phạm vi khảo sát. Điều tra bằng phiếu nhằm thu thập các thông tin theo nội dung nghiên cứu như:

- Thông tin chung về doanh nghiệp, bao gồm: tên, năm đi vào hoạt động, lĩnh vực hoạt động, thông tin về lao động, thông tin về tình hình sản xuất kinh doanh;
- Thông tin về hiện trạng đổi mới công nghệ của doanh nghiệp, bao gồm: trình độ công nghệ của doanh nghiệp; các hoạt động đổi mới công nghệ và đầu tư cho đổi mới công nghệ (về tài chính và nhân lực), phương thức tiến hành đổi mới, nhu cầu và chiến lược đổi mới công nghệ của doanh nghiệp...;
- Đánh giá của doanh nghiệp về các nhân tố tác động đến quá trình đổi mới công nghệ của doanh nghiệp, bao gồm các nhân tố thúc đẩy và cản trở;
- Kế hoạch đổi mới công nghệ của doanh nghiệp trong thời gian tới và các khuyến nghị đối với các chính sách hỗ trợ của Nhà nước.

Ngoài ra, nhóm nghiên cứu còn sử dụng phương pháp kế thừa, phương pháp chuyên gia và tổ chức các buổi hội thảo, tọa đàm nhằm tham vấn các ý kiến từ các cơ quan quản lý nhà nước và doanh nghiệp để nâng cao hơn nữa giá trị của các giải pháp đã đưa ra.

## **2. Kết quả nghiên cứu**

### ***2.1. Thực trạng đổi mới công nghệ trong doanh nghiệp chế biến nông lâm sản ở vùng đồng bằng sông Hồng***

#### *a) Số lượng doanh nghiệp*

Hiện nay, vùng ĐBSH có 145.330 doanh nghiệp nhỏ vừa và, trong đó, khoảng 5.958 doanh nghiệp chế biến nông lâm sản. Theo số liệu điều tra, tỷ lệ doanh nghiệp chế biến lâm sản chiếm 13,7%; chế biến nông sản chiếm 86,3%. Doanh nghiệp nhà nước chiếm 0,47%; doanh nghiệp ngoài nhà nước 94,9%; doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài 4,6%. Thành phố Hà Nội (4.682 doanh nghiệp) và Hải Phòng (811 doanh nghiệp) có số lượng doanh nghiệp chế biến nông lâm sản nhiều nhất Vùng. Bình quân vốn đầu tư cho DNNVV rất chênh lệch giữa các tỉnh trong Vùng (Hà Nội 10 tỷ VNĐ cho 1 doanh nghiệp; Bắc Ninh 15,17 tỷ VNĐ; Hải Phòng 12 tỷ VNĐ; Vĩnh Phúc 10 tỷ VNĐ; Hải Dương 6,5 tỷ VNĐ; Hưng Yên 2,6 tỷ VNĐ). Doanh nghiệp có số lao động dưới 50 người, chiếm tới 90% số lượng doanh nghiệp, lao động thủ công chiếm đa số có tới 80% số lượng lao động. Số lao động được đào tạo tại các trường chính quy rất ít, chủ yếu được đào tạo tại doanh nghiệp.

*b) Đánh giá chung về trình độ công nghệ của các DNNVV trong chế biến nông lâm sản vùng ĐBSH*

Đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực chế biến nông lâm sản, thì trình độ công nghệ là một yếu tố rất quan trọng đối với sự phát triển của doanh nghiệp, qua kết quả khảo sát ở một số doanh nghiệp cho thấy nhóm có trình độ công nghệ tiên tiến là rất nhỏ, nhóm doanh nghiệp có trình độ công nghệ trung bình chiếm tỷ lệ khá cao, còn lại là nhóm doanh nghiệp có trình độ lạc hậu. Nếu gộp các doanh nghiệp có trình độ công nghệ trung bình và lạc hậu thành một nhóm thì số này chiếm đến 80% (trong tổng số 300 doanh nghiệp điều tra).

Trong khi đó, số doanh nghiệp được coi là có công nghệ tiên tiến phần lớn là các doanh nghiệp có vốn đầu tư của nước ngoài và doanh nghiệp thuộc các tổng công ty trong nước, các doanh nghiệp có hợp đồng xuất khẩu, còn lại các loại hình doanh nghiệp khác kể cả doanh nghiệp nhà nước (đã cổ phần hóa), hợp tác xã, doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn... đều có trình độ công nghệ trung bình và lạc hậu.

- Thành phần công nghệ trong phần cứng (trang thiết bị của công nghệ) của hệ thống chế biến nông lâm sản vùng ĐBSH phần lớn có tính đồng bộ trung bình (chiếm tới 77,9%); còn lại có tính đồng bộ thấp (chiếm tỷ lệ 22,1%). Như vậy có thể thấy phần lớn dây chuyền công nghệ của doanh nghiệp trong vùng là có tính đồng bộ trung bình và thấp. Chỉ có một số doanh nghiệp mới thành lập, có điều kiện đầu tư tài chính nên khả năng trang bị dây chuyền sản xuất tiên tiến hơn nhưng những doanh nghiệp này không nhiều, nên khó đại diện cho vùng để có nhận xét chung;
- Thành phần con người trong công nghệ bao gồm kỹ năng, năng lực sử dụng công nghệ. Trong phần này, chúng tôi phân chia yếu tố con người làm 3 loại:
  - + *Cán bộ quản lý*: Đa số các DNNVV trong chế biến nông lâm sản vùng ĐBSH thì quản lý doanh nghiệp thường do chủ doanh nghiệp đảm nhiệm, các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, các doanh nghiệp trực thuộc các tổng công ty (công ty mẹ) có bộ máy quản lý, trong đó, có 1 phó giám đốc phụ trách kỹ thuật và công nghệ. Họ chịu trách nhiệm điều hành sản xuất, quản lý kỹ thuật, quản lý hành chính, tài chính và tổ chức, tuy nhiên, trình độ công nghệ thì phụ thuộc hoàn toàn vào tổng công ty hoặc công ty mẹ...;
  - + *Cán bộ kỹ thuật*: Những DNNVV trong chế biến nông lâm sản của vùng ĐBSH có đội ngũ cán bộ kỹ thuật không nhiều, bởi vì chỉ có những doanh nghiệp có khả năng về tài chính, công nghệ tiên tiến thì

mới thuê cán bộ kỹ thuật (doanh nghiệp liên doanh, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, doanh nghiệp cổ phần hóa từ doanh nghiệp nhà nước,...) còn lại các loại hình doanh nghiệp khác thì không hoặc ít cán bộ kỹ thuật (có trình độ cao đẳng và đại học);

- + *Công nhân có tay nghề cao (bậc 6 trở lên)*: Hầu như đội ngũ công nhân của các DNNVV trong chế biến nông lâm sản của vùng ĐBSH còn thiếu, nếu như trong các doanh nghiệp được cổ phần hóa từ các doanh nghiệp nhà nước, thì cán bộ kỹ thuật này đã nghỉ hưu hoặc chuyển công việc khác, số doanh nghiệp có đầu tư vốn nước ngoài thì mới thành lập, thiếu thợ lành nghề, các công ty trách nhiệm hữu hạn, hợp tác xã sản xuất thủ công, các doanh nghiệp tư nhân đa số mới thành lập, việc tuyển chọn được lao động có tay nghề cao rất ít (vì không có hoặc họ đã tìm việc khác). Theo điều tra của nhóm nghiên cứu, trong 300 doanh nghiệp số công nhân bậc 3, 4, 5 chiếm tới 85%, còn lại là bậc 6 bậc 7 trở lên rất ít, hoặc không có.
- Thành phần thông tin trong công nghệ, bao gồm các tài liệu hướng dẫn sử dụng công nghệ, các bí quyết công nghệ. Phần này đối với các DNNVV chế biến nông lâm sản trong vùng ĐBSH rất hạn chế thông tin công nghệ và công nghệ hầu như đơn giản. Vì đầu tư cho nghiên cứu chế biến nông lâm sản trong vùng chưa phát triển, chưa có sự đặt hàng, cũng như mối liên hệ chặt chẽ giữa các doanh nghiệp và các cơ quan nghiên cứu trong vùng. Các doanh nghiệp thường sử dụng công nghệ đã có hoặc kinh nghiệm tích lũy được trong quá trình sản xuất, hoặc từ nước ngoài đưa vào (chuyển giao hoặc mua dây chuyền có sẵn).

### *c) Đánh giá chung về phương thức tiến hành đổi mới công nghệ*

*Phương thức 1*, mua đứt bán đoạn công nghệ theo hợp đồng thương mại. Nhóm nghiên cứu đã tiến hành khảo sát thực tế tại một số doanh nghiệp, qua phiếu điều tra, phương thức đổi mới công nghệ này được các doanh nghiệp áp dụng tương đối nhiều (có 85 trên 120 doanh nghiệp trả lời). Vì họ cho rằng công nghệ và thiết bị các doanh nghiệp nhập vào thường là loại đơn giản hoặc đã qua sử dụng, phương thức này có giá mua rẻ, không phải thuê chuyên gia lắp ráp, hướng dẫn sử dụng và đào tạo người lao động nên giảm được một khoản chi phí khá lớn (phương thức này thường xảy ra ở những doanh nghiệp có vốn ban đầu ít chỉ từ 3-10 tỷ VNĐ).

*Phương thức 2*, mua công nghệ, thiết bị có hợp đồng chuyển giao và đào tạo. Phương thức này được thực hiện với các doanh nghiệp có nguồn lực tài chính khá (trên 100 tỷ VNĐq), các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, các doanh nghiệp có hợp đồng xuất khẩu sản phẩm lớn và thời gian lâu dài. Các doanh nghiệp này cho rằng, muốn cạnh tranh trên thương trường trong

hiện tại và tương lai thì chất lượng sản phẩm là quan trọng. Vì vậy, họ nhập công nghệ và thiết bị tiên tiến, trong hợp đồng có chuyển giao công nghệ và đào tạo để người lao động làm chủ được công nghệ.

*Phương thức 3*, sử dụng thiết bị đã có, loại bỏ thiết bị cũ, mua sắm lắp ráp thêm thiết bị mới để hoàn chỉnh dây chuyền công nghệ. Qua khảo sát, thì phần lớn là doanh nghiệp nhà nước sau khi cổ phần hóa sử dụng phương thức này vì cần có sự thay đổi để phù hợp cho sản xuất trong thời kỳ phát triển và hội nhập.

#### *d) Đánh giá chung về hoạt động đổi mới công nghệ trong các DNNVV chế biến nông lâm sản vùng ĐBSH*

Theo kết quả điều tra 300 doanh nghiệp, hầu hết đều tiến hành các hoạt động đổi mới công nghệ như: Thay thế thiết bị đã quá lạc hậu; lắp ráp trang thiết bị mới vào dây chuyền sản xuất để nâng cao chất lượng sản phẩm; cải tiến quy trình, ứng dụng những cải tiến, sáng kiến vào sản xuất để tăng năng suất lao động,... Trong một chừng mức nhất định, một số doanh nghiệp này cũng đã thực hiện nghiên cứu triển khai (R&D) nhưng sự phân biệt không rõ ràng giữa nghiên cứu R&D và cải tiến, ứng dụng công nghệ mới. Việc tiến hành đổi mới công nghệ ở các doanh nghiệp trong lĩnh vực này cũng khác nhau về quy mô, loại hình và tính chất của hoạt động đổi mới công nghệ.

Để có cơ sở đánh giá thực trạng đổi mới công nghệ trong DNNVV vùng ĐBSH, nhóm nghiên cứu đã dựa theo 4 tiêu chí sau để phân tích và đánh giá:

*Một là*, nghiên cứu và triển khai (R&D) trong nội bộ doanh nghiệp. Có thể khẳng định R&D của các DNNVV trong chế biến nông lâm sản vùng ĐBSH là chưa có hoặc rất ít. Với lý do, có tới 95% doanh nghiệp có quy mô nhỏ về vốn (số vốn từ trên 3-10 tỷ VNĐ chiếm đa số). Lao động có trình độ đại học, cao đẳng hầu như không có hoặc chỉ có một vài người, vì vậy, không thể triển khai R&D trong doanh nghiệp.

Mặt khác, việc hỗ trợ từ các viện nghiên cứu, trường đại học, doanh nghiệp lớn,... còn rất ít hoặc không thường xuyên. Nguồn thông tin hiện có cũng rất ít, hạn chế, do đó, việc nghiên cứu R&D của các doanh nghiệp cũng gặp khó khăn.

Qua khảo sát và trao đổi, nguyện vọng của các doanh nghiệp này nếu có R&D thì họ muốn hợp tác với các viện nghiên cứu trong nước vì họ cho rằng sự phối hợp này có chi phí thấp, chuyên gia trong nước thuận tiện trong giao tiếp và truyền đạt. Tuy rằng, công nghệ chưa phải ở mức độ hiện đại nhưng khả năng doanh nghiệp chấp nhận được.

*Hai là*, đổi mới quy trình công nghệ trong doanh nghiệp. Tập trung chủ yếu vào ứng dụng quy trình công nghệ sẵn có, một số doanh nghiệp mới thành lập và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài có nguồn tài chính khá thì họ nhập thiết bị, công nghệ đồng bộ (Ví dụ: Công ty TNHH giết mổ chế biến gia cầm Hợp Châu - Bắc Ninh; Công ty CP sản xuất rượu bia Hà Anh - Vĩnh Phúc; Công ty TNHH Thaiway - Hà Nam). Những doanh nghiệp sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ vẫn sử dụng quy trình công nghệ truyền thống, chỉ cải tiến về mẫu, kiểu dáng và nguyên liệu để phù hợp với bên đặt hàng. Các doanh nghiệp chế biến sản phẩm từ lâm sản không có đổi mới quy trình công nghệ, họ sử dụng công nghệ sẵn có, chỉ thay đổi kiểu dáng cho phù hợp với thời đại và yêu cầu của khách hàng. Những doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chủ yếu là các xí nghiệp chế biến thức ăn gia súc, thủy sản, đây là những doanh nghiệp mới thành lập, nên việc đổi mới quy trình công nghệ chưa cần thiết.

*Ba là*, đổi mới sản phẩm (thiết kế đưa ra sản phẩm mới). Qua khảo sát thực tế tại một số doanh nghiệp họ cho rằng những sản phẩm đang sản xuất hiện nay thị trường vẫn chấp nhận và có khả năng cạnh tranh với các sản phẩm nhập nội. Vì vậy sự cần thiết đổi mới sản phẩm chỉ khi thị trường có biến động lớn (hàng ngoại nhập vào nhiều, người tiêu dùng không ưa chuộng). Hiện nay, việc đổi mới sản phẩm của các doanh nghiệp cũng phải suy nghĩ và tính toán, bởi vì muốn thay đổi sản phẩm phải chi phí nhiều (chi phí thiết kế sản phẩm, chi phí nguyên liệu, chi phí trang bị máy móc, đào tạo lao động, chi phí quảng cáo, đăng ký kiểu dáng,...). Chỉ trừ khi có hợp đồng đặt hàng sản phẩm mới với số lượng lớn, thời gian dài thì doanh nghiệp mới sẵn sàng đầu tư cho đổi mới sản phẩm. Có thể tổng quát như sau:

- Những doanh nghiệp đầu tư nước ngoài, thì sản phẩm phụ thuộc hoàn toàn vào nước ngoài (công ty mẹ);
- Những doanh nghiệp có hợp đồng sản xuất hàng xuất khẩu thì sản phẩm phụ thuộc vào bên đặt hàng từ mẫu mã, kiểu dáng và nguyên liệu;
- Với những doanh nghiệp sản xuất sản phẩm tiêu thụ trong nước là chủ yếu, thì việc đổi mới sản phẩm được thực hiện rất ít. Vì sản phẩm làm ra có giá thành hợp với khả năng tài chính của đa số người tiêu dùng trong xã hội.

*Bốn là*, cải tiến sản phẩm. Đa số DNNVV trong chế biến nông lâm sản của vùng ĐBSH thực hiện cải tiến sản phẩm bằng cách nhập sản phẩm nước ngoài hoặc của doanh nghiệp khác cùng loại về nghiên cứu, cải tiến để không trùng lặp với nguyên bản (thay một phần nguyên liệu, thêm phụ gia, thay đổi kiểu dáng,...). Hiện nay, do giá nguyên liệu, chi phí năng lượng đều tăng cao, việc cải tiến sản phẩm, nâng cao giá trị cũng có phần hạn chế.

Nhiều doanh nghiệp cho rằng giữ được sản xuất, sản phẩm tiêu thụ được không bị phá sản đã là thành công.

*e) Các nhân tố ảnh hưởng đến quá trình đổi mới công nghệ*

Để đánh giá về các nhân tố tác động đến quá trình đổi mới công nghệ, nhóm nghiên cứu đã đúc kết từ quá trình điều tra (thông qua 300 phiếu điều tra doanh nghiệp chế biến nông lâm sản trong Vùng), khảo sát và trên cơ sở phân tích các tài liệu, số liệu đưa ra 6 nhân tố thúc đẩy và 6 nhân tố cản trở như sau:

- Các nhân tố thúc đẩy doanh nghiệp đổi mới công nghệ:
  - + Các quy định về chính sách thuế;
  - + Các quy định về ưu đãi vay vốn;
  - + Các quy định về đất đai;
  - + Các quy định về môi trường;
  - + Các quy định về tiêu chuẩn và chất lượng sản phẩm;
  - + Yêu cầu về nâng cao sức cạnh tranh.

Trong số phiếu thu về, có 180 phiếu trả lời đồng ý 6 nhân tố trên có tác động tới thúc đẩy đổi mới công nghệ với tỉ lệ 100% (trong 180 phiếu).

Nhưng để các nhân tố thúc đẩy đổi mới công nghệ trong doanh nghiệp được thực thi thì trước hết các doanh nghiệp cần được tiếp cận với các văn bản có liên quan tới đổi mới công nghệ và hỗ trợ phát triển DNNVV. Mặt khác, các cơ quan quản lý các cấp có liên quan tới doanh nghiệp phải tuyên truyền, phổ biến những văn bản của Nhà nước kịp thời để tạo điều kiện cho doanh nghiệp đổi mới công nghệ nhanh hơn.

- Các nhân tố cản trở quá trình đổi mới công nghệ, được thể hiện ở bảng sau: Đó là kết quả của các doanh nghiệp đồng ý trả lời với số % của 180 phiếu điều tra thu được.

*Đơn vị: %*

Địa phương	QT xin hỗ trợ ĐMCN phức tạp và kéo dài thời gian	Thiếu thông tin thị trường tới DN	Thiếu thông tin công nghệ tới DN	Thiếu cơ hội tiếp xúc với CN mới và hợp tác với các cơ quan KH	Thiếu nhân lực có trình độ cao	Thiếu vốn
Hà Nội	9	70	70	50	30	100
Hải Phòng	45	30	30	70	-	100
Hải Dương	30	50	50	50	50	100
Hưng Yên	10	66	66	66	66	100
Hà Nam	40	50	66	70	33	100



Địa phương	QT xin hỗ trợ ĐMCN phức tạp và kéo dài thời gian	Thiếu thông tin thị trường tới DN	Thiếu thông tin công nghệ tới DN	Thiếu cơ hội tiếp xúc với CN mới và hợp tác với các cơ quan KH	Thiếu nhân lực có trình độ cao	Thiếu vốn
Bắc Ninh	30	70	70	50	100	100
Vĩnh Phúc	19	60	60	60	80	100
Ninh Bình	-	50	33	70	70	100
Thái Bình	30	60	60	30	-	100
Nam Định	10	70	70	50	50	100

*Nguồn: Kết quả điều tra của nhóm nghiên cứu*

Trong 6 nhân tố cản trở thì “thiếu vốn” là nhân tố được các doanh nghiệp trả lời đồng ý 100%. Vì hiện nay, có tới 95% DNNVV có số vốn chỉ từ 3 đến 10 tỉ VNĐ, số vốn này chỉ đủ cho xây dựng cơ sở sản xuất, mua trang thiết bị ban đầu, không còn nguồn tài chính cho đổi mới công nghệ. Nếu vay của các tổ chức ngân hàng, tín dụng thì thủ tục rườm rà, lại phải thế chấp tài sản..., đồng thời thông tin về công nghệ, thông tin về thị trường, cũng như sự tiếp xúc với các cơ quan nghiên cứu đối với các doanh nghiệp còn thiếu.

Qua những phân tích và thu thập các nhận xét qua phiếu điều tra và trực tiếp làm việc với một số doanh nghiệp cho thấy thực trạng R&D, đổi mới quy trình công nghệ, đổi mới sản phẩm, cải tiến sản phẩm trong sản xuất, chế biến nông lâm sản gặp nhiều khó khăn. Tuy nguyện vọng thì có nhưng thực tế lại không hoặc chưa thực hiện được vì điều kiện không đủ.

#### *g) Một số hạn chế trong hoạt động đổi mới công nghệ*

Nguyên nhân hạn chế các hoạt động đổi mới công nghệ là do: Đặc điểm sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực này chịu nhiều rủi ro, phụ thuộc nhiều vào thị trường, mặt khác khả năng quay vòng vốn chậm... Hoạt động của các doanh nghiệp chế biến nông lâm sản lại cần diện tích đất phục vụ cho xây dựng nhà xưởng lớn, trong khi đất đai đã giao cho các hộ nông dân sử dụng ổn định, lâu dài nên doanh nghiệp không có điều kiện mở rộng diện tích để phát triển sản xuất (phụ thuộc nguyên liệu vào hộ nông dân). Mặt khác, vấn đề quan trọng là khả năng đầu tư cho công nghệ chế biến nông lâm sản chưa xứng tầm với sự phát triển và ý nghĩa của nó trong thực hiện công nghiệp hóa nông nghiệp.

## **2.2. Giải pháp hoàn thiện chính sách thúc đẩy doanh nghiệp đổi mới công nghệ**

### *a) Quan điểm hoàn thiện*

*Một là*, Nhà nước trước tiên hỗ trợ các doanh nghiệp đổi mới công nghệ dưới dạng tiếp nhận máy móc, thiết bị hiện đại thông qua chuyển giao công nghệ, sau đó sẽ hỗ trợ các doanh nghiệp tự thực hiện các hoạt động R&D để tiến tới đổi mới công nghệ thành công. Trên thực tế, đổi mới công nghệ là hoạt động có mức độ rủi ro cao, đòi hỏi đầu tư ban đầu lớn, chậm thu hồi vốn, yêu cầu trình độ nhân lực cao nên DNNVV chưa thực sự quan tâm. Tuy nhiên, Nhà nước chỉ giữ vai trò xúc tác, điều phối, xây dựng các thể chế, tạo tiền đề đổi mới (xây dựng cơ sở hạ tầng công nghệ, tạo hành lang pháp lý) nhằm hỗ trợ, thúc đẩy doanh nghiệp đổi mới công nghệ.

*Hai là*, Nhà nước thúc đẩy doanh nghiệp đổi mới công nghệ phải gắn với việc nâng cao năng lực, trình độ công nghệ của các DNNVV, đồng thời góp phần chuyển dịch cơ cấu ngành nghề. Để có thể thực hiện được đổi mới công nghệ thành công thì yêu cầu nguồn nhân lực phải có trình độ tương xứng với mức độ phức tạp và hiện đại của công nghệ. Vì thế, Nhà nước cần có những chính sách hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực cho doanh nghiệp và tạo ra nguồn nhân lực cho xã hội có chất lượng, đáp ứng được yêu cầu đổi mới công nghệ.

*Ba là*, đa dạng hóa các hình thức hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư đổi mới công nghệ, tạo điều kiện thuận lợi về thủ tục hành chính nhằm đẩy nhanh tiến độ đổi mới công nghệ. Để làm được điều này cần có sự kết hợp chặt chẽ giữa các cơ quan quản lý nhà nước trong việc ban hành các hình thức hỗ trợ, tuyên truyền, phổ biến chính sách đổi mới công nghệ, bảo đảm chính sách được thông tin một cách công khai và đầy đủ đến doanh nghiệp; đồng thời, cần tăng cường hoạt động thanh tra, giám sát, thu nhận thông tin phản hồi và đánh giá kết quả chính sách để kịp thời điều chỉnh.

*Bốn là*, đổi mới công nghệ phải là nhu cầu tự thân vận động của doanh nghiệp. Doanh nghiệp chỉ sẵn sàng đầu tư đổi mới công nghệ và cân nhắc tới hiệu quả đầu tư khi họ quyết định giữa hai sự lựa chọn, đổi mới để tồn tại và phát triển hay không đổi mới sẽ bị phá sản. Với quan điểm này, Nhà nước khó hoặc không thể quyết định thay doanh nghiệp đầu tư cho các hoạt động đổi mới công nghệ, vì vậy, Nhà nước cần phải tạo lập được môi trường bình đẳng, có tính cạnh tranh cao nhằm trợ giúp doanh nghiệp đổi mới công nghệ.

Ngoài ra, Nhà nước xây dựng hệ thống chính sách đổi mới công nghệ cần có cơ cấu hợp lý nhằm khuyến khích, hỗ trợ và tác động mạnh tới hoạt động đổi mới công nghệ của doanh nghiệp, góp phần bảo đảm công bằng xã hội, phù hợp với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

*b) Giải pháp hoàn thiện*

- Giải pháp về cơ chế, chính sách: Cơ chế chính sách riêng cho các DNNVV trong chế biến nông lâm sản vùng ĐBSH không thể tách rời với cơ chế, chính sách cho các DNNVV nói chung. Bởi vậy, những đề xuất giải pháp về cơ chế, chính sách trong bài viết này cũng là nhằm giải quyết những khó khăn chung cho các DNNVV trong các lĩnh vực sản xuất khác. Tuy nhiên, nhóm nghiên cứu cũng cố gắng đề xuất một số giải pháp mang tính riêng cho các doanh nghiệp chế biến nông lâm sản trong Vùng.

*Thứ nhất*, rà soát các văn bản pháp luật liên quan đến hoạt động đổi mới công nghệ của doanh nghiệp nói chung và DNNVV nói riêng. Từ đó, xây dựng lộ trình đổi mới công nghệ cho doanh nghiệp trên cơ sở nhìn trước công nghệ, buộc doanh nghiệp phải tiến hành đổi mới công nghệ nếu công nghệ sử dụng không đáp ứng được các yêu cầu về chất lượng sản phẩm, môi trường và ảnh hưởng đến lợi ích chung của xã hội. Để làm được điều này, Nhà nước cần so sánh các tiêu chuẩn Việt Nam với chuẩn quốc tế, qua đó sửa đổi, điều chỉnh những tiêu chuẩn chưa phù hợp và bổ sung những tiêu chuẩn còn thiếu, đồng thời tăng cường hoạt động kiểm tra các sản phẩm đầu ra của doanh nghiệp phải đáp ứng được các tiêu chí, tiêu chuẩn này. Mặt khác, hàng năm các cơ quan quản lý nhà nước cần phải điều tra, đánh giá trình độ công nghệ hiện tại của doanh nghiệp để khuyến cáo hoặc ép buộc doanh nghiệp đổi mới công nghệ nếu muốn tồn tại.

*Thứ hai*, Nhà nước xây dựng hệ thống ưu đãi thuế cho đổi mới công nghệ nói chung và đổi mới công nghệ trong chế biến nông lâm sản nói riêng phải đồng bộ, có cơ cấu hợp lý, góp phần đảm bảo công bằng xã hội, phù hợp với kinh tế thị trường; đồng thời cần nghiên cứu xây dựng Luật Thuế Bảo vệ môi trường, đây là một sắc luật áp dụng cho các doanh nghiệp sử dụng công nghệ lạc hậu, nhằm hạn chế tiếp nhận công nghệ gây ô nhiễm vào Việt Nam. Hơn nữa, Nhà nước cần thiết lập kênh thông tin hai chiều thường xuyên với doanh nghiệp, qua đó, doanh nghiệp sẽ phản ánh nhanh, kịp thời những khó khăn, vướng mắc cũng như đề xuất của doanh nghiệp trong quá trình làm thủ tục để hưởng ưu đãi hay những bất cập về cơ chế cho đổi mới công nghệ hiện hành.

- *Giải pháp về tài chính*: Nhà nước cần khuyến khích thành lập các tổ chức thẩm định dự án độc lập, trong đó có thẩm định dự án đầu tư đổi mới công nghệ, tổ chức này sẽ cung cấp cho ngân hàng những thông tin cần thiết về dự án đổi mới công nghệ, cũng như tư vấn cho doanh nghiệp nhằm giải quyết mâu thuẫn giữa doanh nghiệp với tư cách là người sử dụng vốn và tổ chức tín dụng, ngân hàng thương mại với tư cách là người cấp vốn: (i) Ngân hàng và tổ chức tín dụng thương mại thường không muốn cho các DNNVV vay vốn, vì họ chưa có hoạt động tín dụng uy tín, trong khi đó,

vay đầu tư đổi mới công nghệ rất rủi ro nếu nguồn nhân lực của doanh nghiệp không đáp ứng được yêu cầu đổi mới công nghệ và/hoặc việc xác định sản phẩm đầu tư, đối thủ cạnh tranh, thị trường sản phẩm đầu tư của doanh nghiệp không tốt; (ii) doanh nghiệp muốn ngân hàng và tổ chức tín dụng thương mại cho vay vốn thì lại phụ thuộc vào quy mô dự án đổi mới công nghệ, hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp ở hiện tại và quá khứ, phụ thuộc vào giá trị tài sản thế chấp (thông thường các DNNVV có giá trị tài sản thế chấp rất thấp). Trên cơ sở đó, ngân hàng và tổ chức tín dụng thương mại sẽ xác định tỷ lệ cho vay và các khoản vay, thời gian và lãi suất vay. Hơn nữa, trên cơ sở các thông tin của tổ chức thẩm định dự án đổi mới công nghệ độc lập, kết hợp với nghiệp vụ ngân hàng, tổ chức tín dụng thương mại; họ sẽ ra quyết định mức vay, thời gian vay, kế hoạch trả nợ của doanh nghiệp và những điều kiện đi kèm trên cơ sở đáp ứng nguyện vọng cao nhất của doanh nghiệp phục vụ cho đổi mới công nghệ.

Nhà nước sớm ban hành hướng dẫn và xây dựng quy chế hoạt động để đưa Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia đi vào hoạt động. Quỹ này phải hoạt động như một tổ chức tài chính và không gây khó khăn cho doanh nghiệp khi tiếp cận nguồn tín dụng ưu đãi cho hoạt động đổi mới công nghệ của doanh nghiệp. Sau đó, rà soát lại các hoạt động của Quỹ phát triển KH&CN và Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia sao cho hai quỹ này không trùng lặp về chức năng, nhiệm vụ, giai đoạn ưu đãi tín dụng. Hơn nữa, các thủ tục hành chính xét duyệt để được hưởng ưu đãi tín dụng cho đổi mới công nghệ cần được sửa đổi, bổ sung theo hướng đơn giản và khuyến khích các doanh nghiệp ngoài nhà nước tham gia.

- *Giải pháp về thông tin, tuyên truyền:* Nhà nước cần tập trung nâng cao nhận thức, tuyên truyền cho các doanh nghiệp, đặc biệt là lãnh đạo các doanh nghiệp, về những đóng góp của doanh nghiệp cho cộng đồng và cho chính doanh nghiệp từ các hoạt động đổi mới công nghệ của doanh nghiệp bằng các khóa học ngắn hạn, có sự tham gia của các chuyên gia trong lĩnh vực công nghệ, các nhà hoạch định chính sách và quản lý nhà nước về công nghệ. Từ đó, doanh nghiệp sẽ có nhận thức cao hơn trong hoạt động đổi mới công nghệ và có thể sẽ thay đổi hành vi ra quyết định đầu tư đổi mới công nghệ trong tương lai.

Ngoài ra, Nhà nước cần phát triển thị trường công nghệ, đẩy mạnh việc kết nối cung - cầu về công nghệ, đồng thời, cần xây dựng cơ sở dữ liệu thông tin công khai trên mạng internet hàng năm về các hoạt động của doanh nghiệp, trong đó, nhấn mạnh các doanh nghiệp có hoạt động đổi mới công nghệ./.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Trung tâm Hỗ trợ kỹ thuật Doanh nghiệp nhỏ và vừa Hà Nội và Cơ quan hợp tác quốc tế Nhật Bản (JICA). (2005) *Kết quả khảo sát doanh nghiệp năm 2005 tại 30 tỉnh, thành phố phía Bắc*.
2. OECD. (2009) *Khuyến nghị các nguyên tắc chỉ đạo trong thu thập và diễn giải số liệu về đổi mới công nghệ*. Tài liệu hướng dẫn Oslo.
3. Viện Chiến lược và Chính sách KH&CN. (2009) *Nghiên cứu xây dựng tài liệu hướng dẫn kỹ năng nghiệp vụ đổi mới công nghệ cho doanh nghiệp nhỏ và vừa*.
4. Viện Nghiên cứu Quản lý Kinh tế Trung ương và UNDP. (2009) *Báo cáo khảo sát đổi mới công nghệ trong các doanh nghiệp Việt Nam*.
5. Trần Thị Thu Thủy. (2010) *Nghiên cứu chính sách và giải pháp nâng cao năng lực cạnh tranh của các DNNVV trong lĩnh vực chế biến, tiêu thụ nông lâm sản trong điều kiện hội nhập quốc tế*. Đề tài cấp Bộ. Viện Khoa học Lâm nghiệp.
6. Đậu Thanh Tú và nnk. (2012) *Đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp thúc đẩy đổi mới công nghệ chế biến nông lâm sản ở doanh nghiệp vừa và nhỏ trên địa bàn vùng Đồng bằng sông Hồng*. Đề tài cấp Bộ. Viện Nghiên cứu và Phát triển Vùng.